

CATHOLIC BELIEF TÍN LÝ CÔNG GIÁO 2

LoiNhapThe Theological Institute
Archdiocese of Galveston-Houston
Paul Phạm Xuân Khôi
<http://evangelization.space>
giaolygh@gmail.com – 713-398-1554

Chương Trình

- 1: 9/22 - Chương 1 – Dẫn Nhập
- 2: 9/29 - Chương 2 – Đức Tin & Chương 3 – Việc Lưu Truyền Mạc Khải
- 3: 10/13 - Chương 4 - Việc Tạo Dựng
- 4: 10/20 - Chương 5 – Tội Lỗi và Ân Sủng
- 5: 10/27 - Chương 6 - Chúa Giêsu Kitô
- 6: 11/03 - Chương 7 - Mầu Nhiệm Vượt Qua
- 7: 11/10 - Chương 8 - Chúa Cha và Ba Ngôi
- 8: 11/17 - Chương 9 - Chúa Thánh Thần
- 9: 11/24 - Chương 10 & 11 - Hội Thánh
- 10: 12/08 - Chương 12 & 13 - Đức Mẹ & Các Thánh Cùng Thông Công
- 11: 12/15 - Chương 14 & 15 - Phép Tha Tội & Tứ Chung

Thông Báo

- ▣ Tuần sau nghỉ - Hội Chợ của GX
- ▣ Coil lại Email trong giấy điểm danh
- ▣ Website: www.evangelization.space

What is Theology – Thần Học là gì?

According to Saint Alsalm,
theology is:
faith seeking understanding.

Doing theology:

- needs Faith
- is a process
- is explaining one's Faith Experience

Theo Thánh Alsêmô thì,
thần học là:
đức tin tìm sự hiểu biết.

Làm thần học:

- cần có Đức Tin
- là một tiến trình
- là giải thích Kinh Nghiệm Đức tin của một người

Common beliefs on Human Niềm tin chung về Con Người

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ Human soul ▣ Life after death <ul style="list-style-type: none"> ▪ No life after death ▪ Reincarnation <ul style="list-style-type: none"> ▣ Six realms of life ▣ Karma ▪ Eternal Happiness | <ul style="list-style-type: none"> ▣ Linh hồn con người ▣ Sự sống đời sau <ul style="list-style-type: none"> ▪ Không có sự sống đời sau ▪ Thuyết Luân Hồi <ul style="list-style-type: none"> ▣ Sáu cõi ▣ Nghiệp ▪ Hạnh Phúc Đời Đời |
|--|--|

Câu hỏi để thảo luận

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ What is the purpose of your life? ▣ What do you wish to have the most in this world? | <ul style="list-style-type: none"> ▣ Mục đời của bạn là gì? ▣ Điều gì là điều mà bạn mong ước để có nhất trên đời? |
|---|--|

Hạnh Phúc Thật

27. The desire for God is written in the human heart, because man is created by God and for God; and God never ceases to draw man to himself. Only in God will he find the truth and happiness he never stops searching for.

27. Niềm khao khát Thiên Chúa được ghi khắc trong trái tim con người bởi vì con người được tạo dựng bởi Thiên Chúa và hướng về Thiên Chúa. Thiên Chúa không ngừng lôi kéo con người đến với Ngài, và chỉ nơi Thiên Chúa, con người mới gặp được chân lý và hạnh phúc mà họ không ngừng tìm kiếm.

Truth and False Sự Thật và Sai Lầm

- ▣ Truth is the conforming of mind to the objective reality – an accurate expression of reality
- ▣ Falsehood is anything presented to the mind as objectively real when in actuality it is not real.

- ▣ Sự thực là sự thích nghi của trí khôn với thực tại khách quan – một diễn tả chính xác về thực tại
- ▣ Sai lầm là bất cứ điều gì được trình bày trong trí khôn như thật sự khách quan trong khi thực ra nó không có thật.

Truth vs. Opinion – Chân Lý và Ý Kiến

Truth:

- Known objectively
- unchanged
- Consistent
- Can be deepen

Opinion:

- Known subjectively
- Changeable
- inconsistent

Chân Lý:

- Được biết cách khách quan
- Không thay đổi
- Kiên định
- Có thể được đào sâu

Ý kiến:

- Được biết cách chủ quan
- Có thể thay đổi
- Bất nhất

Truth and Lie Sự Thật và Nói Dối

- ▣ Truth is TRUTH even if nobody believes it!
- ▣ A Lie is a LIE even if everyone believes it!

- ▣ Sự thật là SỰ THẬT dù không có một ai tin vào nó!
- ▣ Nói dối là NÓI DỐI dù tất cả mọi người tin vào nó!

Why we need Truth? Tại sao chúng ta cần Sự Thật?

For RELATIONSHIP
to be REAL,
it must be based on
TRUTH,
it must be based on
REALITY!

Để MỐI LIÊN HỆ
được CÓ THẬT,
nó phải dựa trên
SỰ THẬT,
nó phải dựa trên
THỰC TẾ!

Our relationship with God

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ Catholic is about an intimated relationship with God. ▣ We was created out of love. We will be saved only through love. ▣ In order to have a relationship with God, we must have knowledge, revelation, understanding. | <ul style="list-style-type: none"> ▣ Đạo Công Giáo là về một mối liên hệ mật thiết với Thiên Chúa. ▣ Chúng ta được dựng nên vì yêu. Chúng ta chỉ được cứu độ qua tình yêu. ▣ Để có mối liên hệ với Thiên Chúa, chúng ta phải có kiến thức, mạc khải và sự hiểu biết |
|--|--|

Our relationship with God

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ To love Him whole-heartly ▣ To know him intimately ▣ To surrender to Him completely ▣ I am His and He is mine | <ul style="list-style-type: none"> ▣ Để yêu Chúa hết lòng ▣ Để biết Chúa cách mật thiết ▣ Để phó thác hoàn toàn cho Chúa ▣ Tôi thuộc về Chúa, Chúa là của tôi |
|--|---|

We live for the rest of
eternity with this
relationship.

Chúng ta sống cho đến
muôn đời với
Mối liên hệ này

How to love God and love
one another as He Loves us?

Làm sao để yêu Chúa và yêu
nhau như Ngài yêu ta?

Our Relationship with God

The reasonableness of the
Catholic Faith

- The Creator's existence
- Jesus is a real historical person and real God
- The reliability of the New Testament

Sự hợp lý của Đức Tin Công
Giáo.

- Sự hiện hữu của Tạo Hoá
- Chúa Giêsu là một người thật trong lịch sử và là TC
- Sự đáng tin cậy của Tân Ước

Who is God? Thiên Chúa là ai?

▣ Atheism	Thuyết Vô Thần
▣ Agnosticism	Thuyết Bất Khả Tri
▣ Dualism	Thuyết Nhị Nguyên
▣ Polytheism	Thuyết Đa Thần
▣ Deism	Thuyết Lý (Tự Nhiên) Thần
▣ Theism	Thuyết Hữu Thần
▣ Panentheism	Thuyết Thần Tồn
▣ Pantheism	Thuyết Phiến Thần

Which one is Truth? Điều gì là Sự Thật?

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ Truths cannot conflict each other ▣ If they are in conflict, only one is right ▣ How do we know the right one? | <ul style="list-style-type: none"> ▣ Các chân lý không thể trái ngược nhau ▣ Nếu chúng trái ngược, thì chỉ có một điều là đúng ▣ Làm sao chúng ta biết điều đúng? |
|--|--|

I believe and We believe

Statements like “I believe” and “we believe” both mean more than mere intellectual assent. They imply a level of personal commitment and handing over of oneself to something bigger than oneself”

Các tuyên bố như “Tôi tin” và “chúng tôi tin” cả hai đều có nghĩa nhiều hơn chỉ ưng thuận theo trí khôn. Chúng ám chỉ một mức độ dấn thân cá nhân và phó thác chính mình vào Đấng lớn hơn mình”.

Which one is Truth? Điều gì là Sự Thật?

- ▣ We believe in the credibility of Jesus and His Teachings
- ▣ Buddhists believe in the credibility of the Buddha and His Teachings

- ▣ Chúng ta tin vào sự đáng tin cậy của Chúa Giêsu và Giáo Huấn của Người
- ▣ Người Phật Giáo tin vào sự đáng tin cậy của Đức Phật và Giáo Huấn của Ngài.

▣ How do we know that Jesus is real?

▣ Làm sao chúng ta biết Chúa Giêsu có thật?

Non-Biblical References to Jesus

▣ Gamaliel II, leader of the Council at Jamnia (90 AD) added ***a curse of Jews who became Christians to the daily benedictions.*** (*birkat ha-minim*)

▣ Josephus, a Jewish historian (c. 93-94 AD):

“He was a doer of wonderful deeds, a teacher of people who received the truth with pleasure.”

▣ Gamaliel II, lãnh tụ của Công đồng ở Jamnia (90 AD) đã thêm ***một lời nguyện rửa những người Do Thái đã trở thành Kitô hữu.*** (*birkat ha-minim*)

▣ Josephus, sử gia Do Thái (k. 93-94 AD):

“Ông ta là người làm những việc kỳ lạ, một thầy dạy của dân là những người vui lòng nhận chân lý.”

Non-Biblical References to Jesus

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ Tacitus, a Roman historian, (c.110 AD):
 <i>“Christ had been executed in Tiberius’ reign by Pontius Pilate, the Procurator...”</i> ▣ Pliny (112 AD) wrote a letter to the Emperor Trajan regarding how to deal with Christians who worship Christ:
 <i>“They (the Christians) were in the habit of meeting on a certain fixed day before it was light, when they sang in alternate verses a hymn to Christ, as to a god...”</i> | <ul style="list-style-type: none"> ▣ Tacitus, một sử gia Rôma, (c.110 AD):
 <i>“Kitô đã bị xử tử trong triều đại Tiberiô bởi Phongxiô Philatô, vị Thủ Hiến...”</i> ▣ Pliny (112 AD) viết một thư cho Hoàng Đế về việc phải đối xử thế nào với các Kitô hữu là những người thờ Đức Kitô:
 <i>“Họ (Các Kitô hữu) có thói quen gặp gỡ vào những ngày nhất định trước khi trời sáng, khi họ hát những câu luân phiên một bài thánh thi cho Kitô, như cho một vị thần...”</i> |
|--|--|

Jesus is God - Chúa Giêsu là Thiên Chúa

Chúa Giêsu tự nhận là Thiên Chúa – He claims to be “I Am”

If True - Nếu Đúng thì

Chúa thật là Thiên Chúa
He truly is God

Nếu Chúa biết là sai thì
Người là kẻ Nói Dối
If He knew it's not true
He was a liar

If False - Nếu sai thì

Nếu không biết là mình sai
thì Người là Kẻ Điên
If He didn't know that He
was wrong then He is crazy

How do we know Làm sao chúng ta biết

The Gospels are
reliable?

Các sách Tin Mừng
đáng tin cậy?

Author	Date Written	Earliest Copy	Approximate Time Span between original & copy	Number of Copies	Accuracy of Copies
Pliny	A.D. 61-113	A.D. 850	750 yrs	7	----
Plato	427-347 B.C.	A.D. 900	1200 yrs	7	----
Suetonius	A.D. 75-160	A.D. 950	800 yrs	8	----
Thucydides	460-400 B.C.	A.D. 900	1300 yrs	8	----
Caesar	100-44 B.C.	A.D. 900	1000	10	----
Tacitus	circa A.D. 100	A.D. 1100	1000 yrs	20	----
Aristotle	384-322 B.C.	A.D. 1100	1400	49	----
Homer (Iliad)	900 B.C.	400 B.C.	500 yrs	643	95%
New Testament	1st Cent. A.D. (A.D. 50-100)	2nd Cent. A.D. (c. A.D. 130 f.)	less than 100 years	5600	99.5%

Nhân Vật	Thời gian sống	Sách	Năm được Sách Viết	Thời gian cách biệt
Đức Phật	600/400 – 480/280 BC	Các Kinh Điển	250 BC – 400 AD	~ 150 - 1000
Hùng Vương	700-600 BC	Đại Việt Sử Ký	1300, 1697 AD	~ 2400
Nhà Triệu	200-100 BC	Đại Việt Sử Ký	1300, 1697 AD	~ 1900
Hai Bà Trưng	40-43	Đại Việt Sử Ký	1300, 1697 AD	~ 1660
Nhà Tiền Lý	544-602	Đại Việt Sử Ký	1300, 1697 AD	~ 1100
Ngô Quyền	939	Đại Việt Sử Ký	1300, 1697 AD	~ 700
Đinh Bộ Lĩnh	968	Đại Việt Sử Ký	1300, 1697 AD	~ 630
Nhà Trần	1226-1400	Đại Việt Sử Ký	1300, 1697 AD	~ 300
Chúa Giêsu	6/4 BC - 28/30	4 Tin Mừng	60 - 90 AD	< 100

I believe in God means Tôi Tin Kính Một TC có nghĩa

- ▣ Saying “I believe in God” means founding my life on Him, letting his Word orient me each day, in the concrete choices, without fear of losing something of myself.
- ▣ Nói rằng “Tôi tin kính một Thiên Chúa” có nghĩa là tìm thấy cuộc sống của tôi trong Ngài, để cho Lời Ngài định hướng tôi mỗi ngày, trong các lựa chọn cụ thể, mà không sợ mất mát một điều gì đó của chính mình.

Pope Benedict XVI, 1/23/2013

What is a Creed? (See CCC, nos. 187-188)

Names

- Creed (from Credo/Credimus)
- Profession of Faith
- Rule of Faith
- Symbol of Faith

Các Tên

- Tin Kính (từ Tôi tin/chúng tôi tin)
- Tuyên Xưng Đức Tin
- Qui Luật Đức Tin
- Biểu Tượng Đức Tin (Tín biểu)

Biblical Root - Nguồn gốc Thánh Kinh

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ Old Testament (Dt 6:4-5) – The Shema ▣ New Testament <ul style="list-style-type: none"> ▪ Jesus is the Messiah, the Son of the Living God (Mt 16:16) ▪ The Lord (1 Cor 8:5-6; 1 Jn 2:22-23; 4:2-4) ▪ The Trinity (Mt 28:18) ▪ Kerygma: Acts 2: 14-36 | <ul style="list-style-type: none"> ▣ Cựu Ước (Đnl 6:4-5) – The Shema ▣ Tân Ước <ul style="list-style-type: none"> ▪ Chúa Giêsu là Đức Kitô, Con Thiên Chúa Hằng Sống (Mt 16:16) ▪ Là Chúa (1 Cor 8:5-6; 1 Ga 2:22-23; 4:2-4) ▪ Chúa Ba Ngôi (Mt 28:18) ▪ Lời công bố đầu tiên: Cv 2: 14-36 |
|--|---|

Functions – Chức Năng

See CCC, nos. 185, 189

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ Summary of the faith ▣ Unites people in the faith ▣ Provides a common language of faith ▣ Still serves initial liturgical initiatory function | <ul style="list-style-type: none"> ▣ Tóm lược đức tin ▣ Kết hợp dân chúng trong đức tin ▣ Cung cấp một ngôn ngữ chung về đức tin ▣ Vẫn có chức năng khai tâm trong phụng vụ khai tâm |
|--|--|

Important Creeds

Những Kinh Tin Kính quan trọng

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ Two important Creeds in Western Tradition <ul style="list-style-type: none"> ▪ Apostles' Creed ▪ Niceno-Constantinopolitan Creed | <ul style="list-style-type: none"> ▣ Hai Kinh Tin Kính quan trọng theo Truyền Thống Tây Phương <ul style="list-style-type: none"> ▪ Kinh Tin Kính của các Tông Đồ ▪ Kinh Tin Kính Nicêa - Constantinople |
|---|--|

Apostle Creed Kinh Tin Kính các Tông Đồ

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ Developed as a catechetical tool for rite of initiation coming from apostolic expression and writing ▣ Prayer and a narrative of salvation | <ul style="list-style-type: none"> ▣ Được khai triển như một công cụ để dạy giáo lý cho nghi thức khai tâm phát sinh từ các cách diễn tả và các văn kiện của các Tông Đồ ▣ Là kinh nguyện và một tường thuật về ơn cứu độ |
|---|---|

Niceno-Constantinopolitan Creed Kinh Tin Kính Nicêa

Test of orthodoxy (right belief)

- ▣ Council of Nicea (325 AD): Arian controversy
 - Homousion: consubstantial with the Father
- ▣ Council of Constantinople (381 AD)
 - Trinity: three persons, one substance
- ▣ Recited in Eucharistic liturgy by 6th century AD in Spain to contradict heresy in local churches, 11th century in Latin rite liturgy
- ▣ Filioque controversy

Kiểm tra sự chính thống (tin đúng)

- ▣ Công Đồng Nicea (325 AD): tranh luận với lạc giáo Arianô
- ▣ Homousion: đồng bản thể với Chúa Cha
- ▣ Công Đồng Constantinople (381 AD)
- ▣ Chúa Ba Ngôi: tam vị (ba ngôi vị), đồng thể (cùng bản thể).
- ▣ Được đọc trong Thánh Lễ từ thế kỷ thứ 6 ở Tây Ban Nha để chống lại lạc giáo ở HT địa phương, độc trong nghi thức Latinh từ thế kỷ 11
- ▣ Tranh luận về Filioque

Creed is Profession of Faith Kinh Tin Kính là Tuyên Xưng Đức Tin

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ A statement of personal and communal commitment ▣ Faith is always personal and subjective ▣ Confess or profess requires recognition and commitment ▣ Confession is risky. ▣ Not profess alone. | <ul style="list-style-type: none"> ▣ Là một lời bày tỏ quyết tâm cá nhân và cộng đồng ▣ Đức tin luôn luôn có tính riêng tư và chủ quan ▣ Tuyên xưng đòi hỏi nhận thức và quyết tâm ▣ Tuyên xưng đầy mạo hiểm hay rủi ro ▣ Không tuyên xưng một mình. |
|--|---|

Summary Tóm lại

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ Profession of Faith, Rule of Faith, Symbol of Faith, Obedience of Faith ▣ Used to safeguard against false teaching and heresy ▣ Provided the Church a guideline for authentic teaching. | <ul style="list-style-type: none"> ▣ Tuyên Xưng Đức Tin, Qui Luật Đức Tin, Tín Biểu, Vâng Phục trong Đức Tin ▣ Dùng để bảo vệ khỏi giáo huấn sai lạc của lạc giáo ▣ Cung cấp cho Hội Thánh một hướng dẫn về giáo huấn chân chính. |
|---|--|

Revelation – Mặc Khải

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ Revelation is God loving self-communication in human history that reaches its fulfillment in the life, person and mission of Jesus Christ, now continued in the life and mission of the Church. ▣ The Bible, the Sacraments, Church doctrines and moral and spiritual teachings are means by which Rev. is handed on... Catechist is a transmitter of Divine Revelation | <ul style="list-style-type: none"> ▣ Mặc khải là sự yêu thương thông truyền chính mình của Thiên Chúa trong lịch sử nhân loại, nó đạt đến hoàn thành nơi cuộc đời, con người và sứ vụ của Chúa Giêsu Kitô. Giờ đây tiếp tục trong đời sống và sứ vụ Hội Thánh ▣ Thánh Kinh, các Bí Tích, các giáo lý cùng các giáo huấn về luân lý và linh đạo của Hội Thánh là phương tiện truyền lại Mặc Khải... Giáo Lý viên là người truyền thụ Mặc Khải của Thiên Chúa... |
|--|--|

Mục đích của Mặc Khải của Thiên Chúa

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ to communicate his own divine life to the men he freely created, in order to adopt them as his sons in his only-begotten Son. ▣ to make them capable of responding to him, and of knowing him and of loving him far beyond their own natural capacity. (CCC 52) | <ul style="list-style-type: none"> ▣ truyền thông sự sống thần linh của cho loài người mà Ngài đã tự ý tạo dựng, để cho họ được trở nên nghĩa tử trong Con Một của Ngài. ▣ Thiên Chúa muốn làm cho loài người có khả năng đáp lại Ngài, nhận biết và yêu mến Ngài vượt quá những gì họ có thể làm được tự sức mình. (GLHTCG 52) |
|--|---|

Mặc Khải xảy ra từng giai đoạn

- | | |
|--|---|
| <p>▣ The Scriptures record the effort of God to make Godself known to humanity</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ The covenant with Noah ▪ The election of Abraham ▪ The formation of the people Israel ▪ The words of the prophets ▪ The history of God's people ▪ The Incarnation of the Word of God in the person of Jesus of Nazareth, (see <i>DV</i> no. 4 and CCC, no. 65) | <p>▣ Thánh Kinh ghi lại nỗ lực của Thiên Chúa trong việc làm cho con người biết Ngài</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Giao ước với ông Noe ▪ Việc chọn ông Abraham ▪ Việc hình thành dân Israel ▪ Các lời của các ngôn sứ. ▪ Lịch sử Dân Thiên Chúa ▪ Việc Ngôi Lời Thiên Chúa nhập thể nơi con người Chúa Giêsu thành Nadaret. xem <i>DV</i> no. 4 và GLCG, s. 65) |
|--|---|

Mặc Khải Công và Mặc Khải Tư

Private revelation are periodically given to some individuals

- They do not bind anyone other than those to whom they are directed
- They do not add anything to the deposit of the faith
- They cannot authentically contradict the content of public revelation
- Some have been recognized by the authority of the church as authentic, but they still do not bind in conscience (see CCC, no. 67).

Mặc Khải tư thỉnh thoảng được ban cho một ít cá nhân

- Chúng không ràng buộc ai ngoài những người mà chúng nhắm đến
- Chúng không thêm gì vào kho tàng đức tin
- Chúng không thể mâu thuẫn với mặc Khải công mà còn được coi là thật
- Một số đã được giáo quyền công nhận là thật, nhưng chúng vẫn không ràng buộc theo lương tâm (x. GLCG, s. 67).

Mặc Khải Công đã Hoàn Tất

- God has already revealed the fullness of God's self in the Incarnation, life, ministry, and Paschal Mystery of Jesus Christ
- The communication of that revelation ended with the end of the apostolic age
- we may continue to develop more adequate language to describe what has been revealed, even if content does not change.
- Thiên Chúa đã mặc khải trọn vẹn về chính Ngài trong việc Nhập Thể, cuộc đời, sứ vụ, và Mầu Nhiệm Phục Sinh của Chúa Giêsu Kitô
- Việc truyền thông mặc khải này chấm dứt khi hết thời đại các Tông Đồ
- Chúng ta có thể tiếp tục khai triển ngôn ngữ đầy đủ hơn để diễn tả điều đã được mặc khải, mặc dù nội dung của nó không thay đổi.

Một Lời Chúa Duy Nhất

▣ One Word of God and Goal

- Jesus is the Only Word of God. He commanded the apostles to preach the Gospel

Through all the words of Sacred Scripture, God speaks only one single Word, his one Utterance in whom he expresses himself completely [x. Hb 1:1-3] (CCC 102).

▣ Một Lời Chúa duy nhất và một mục đích

- Chúa Giêsu là Lời Duy Nhất của Thiên Chúa, Người truyền cho các môn đệ rao giảng Tin Mừng

Thiên Chúa chỉ nói một Lời, là (Ngôi) Lời duy nhất của Ngài. Trong Ngôi Lời, Thiên Chúa bày tỏ tất cả về chính mình Ngài [x. Dt 1:1-3] (GLHTCG 102).

Thánh Kinh và Thánh Truyền

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ Two distinct modes of transmission <ul style="list-style-type: none"> ▪ Sacred Scripture is the speech of God as it is put down in writing under the breath of the Holy Spirit. ▪ Tradition transmits in its entirety the Word of God which has been entrusted to the apostles and their successors by Christ the Lord and the Holy Spirit. ▣ One common source and goal <ul style="list-style-type: none"> ▪ They comes from what the apostles learned from Jesus and the HS. ▪ The goal is to make present the mystery of Christ who always remains with the Church. | <ul style="list-style-type: none"> ▣ Hai cách truyền thụ khác nhau <ul style="list-style-type: none"> • Thánh Kinh là Lời Thiên Chúa được viết xuống thành văn tự dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần. • Thánh Truyền truyền lại hoàn toàn Lời Chúa đã được trao phó cho các Tông Đồ và những người kế vị các Ngài bởi Chúa Giêsu và CTT. ▣ Một nguồn chung và một mục đích <ul style="list-style-type: none"> • Chúa Giêsu là Lời Duy Nhất của Thiên Chúa, Người truyền cho các môn đệ rao giảng Tin Mừng • Mục đích là hiện tại hoá mầu nhiệm của Đức Kitô là Đấng luôn ở cùng Hội Thánh. |
|---|---|

Cách Truyền Lại Mặc Khải của Thiên Chúa

- | | |
|---|---|
| <ol style="list-style-type: none"> 1. Jesus Teachings and His deeds = The Gospel 2. Jesus commanded the Apostles to preach the Gospel. In preaching, they were to communicate the gifts of God, the source of all saving truth and moral discipline, to all men.. 3. The apostles transmitted this Gospel: <ul style="list-style-type: none"> ▪ "orally" by their spoken words, by examples, by institutions they established. ▪ "in writing" by those apostles and their associates, under the inspiration of the Holy Spirit, | <ol style="list-style-type: none"> 1. Giáo huấn và việc làm của Chúa Giêsu = Tin Mừng 2. Chúa Giêsu truyền cho các Tông Đồ rao giảng Tin Mừng. Khi rao giảng các ngài thông truyền hồng ân của Thiên Chúa cho mọi người. Tin Mừng này là nguồn mạch mọi chân lý cứu độ và kỷ luật luân lý. 3. Các môn đệ truyền Tin Mừng này: <ul style="list-style-type: none"> ▪ “truyền khẩu” bằng lời nói và gương sáng của các ngài, cùng các cơ chế mà các ngài đã thiết lập. ▪ “bằng văn tự” bởi các Tông Đồ ấy và các cộng sự viên của các ngài, dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần. |
|---|---|

Apostolic Succession – Kế vị các Tông Đồ

The Apostles had two functions:

- Witnesses of Christ's Resurrection,
 - Shepherd the Church of God .
- The apostles established bishops as their successors with the authority to teach and shepherd the Church. This apostolic preaching, especially as expressed in the inspired books, must be preserved through a continuous line of apostolic succession.

Các Tông Đồ có hai chức năng:

- Làm nhân chứng cho việc phục Sinh của Đức Kitô,
- Chăn dắt Hội Thánh của Thiên Chúa. Các Tông Đồ thiết lập các Giám Mục và những người kế vị các ngài với quyền giáo huấn và chăm sóc Hội Thánh. Việc giảng dạy của các Tông Đồ, nhất là như được diễn tả trong các sách được linh hứng, phải được bảo toàn qua việc liên tục kế vị các Tông Đồ này.

Author of Scripture Tác Giả Thánh Kinh (DV 11)

Holy mother Church... holds that the books of both the Old and New Testaments..., are ... written under the inspiration of the Holy Spirit, they **have God as their author** and have been handed on as such to the Church herself.

- (1) In composing the sacred books, God chose men and while employed by Him
- (2) they made use of their powers and abilities, so that with Him acting in them and through them,
- (3) they, **as true authors**, consigned to writing everything and only those things which He wanted.

Mẹ Hội Thánh... tin rằng các sách cả Cựu Ước lẫn Tân Ước... được viết dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần, chúng **có Thiên Chúa là tác giả** và được truyền lại như thế cho chính Hội Thánh .

- (1) Trong khi soạn thảo các sách thánh, Thiên Chúa đã chọn những người và trong lúc được Ngài dùng
- (2) họ đã dùng công sức và khả năng của họ, để với Ngài hoạt động trong họ và qua họ,
- (3) họ, **như những tác giả thật**, viết xuống tất cả những gì và chỉ những gì mà Ngài muốn

Inspiration & Truth in Sacred Scripture Linh Hứng và Chân Lý trong Thánh Kinh

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> ▪ <i>God is the author of Sacred Scripture</i> because God inspired the human authors of the sacred books. ▪ Because having God as its <i>Author</i>, the Bible cannot err. | <ul style="list-style-type: none"> ▪ <i>Thiên Chúa là tác giả của Thánh Kinh</i> bởi vì Thiên Chúa đã linh hứng các tác giả nhân loại của các sách thánh ▪ Bởi vì có Thiên Chúa như <i>Tác Giả</i>, <i>Thánh Kinh</i> không thể sai. |
|--|--|

Inspiration & Truth in Sacred Scripture Linh Hứng và Chân Lý trong Thánh Kinh

The inspired books teach the truth. *“All that the inspired authors or sacred writers affirm should be regarded as affirmed by the Holy Spirit, we must acknowledge that the books of Scripture firmly, faithfully, and without error teach the truth (that truth) that God intends to reveal for the sake of our salvation.”* (DV 11, see Note 5 of DV)

Các sách được linh hứng dạy chân lý. *“Tất cả những gì các thánh ký xác quyết phải được coi là được Chúa Thánh Thần xác quyết, chúng ta phải thừa nhận rằng các sách Thánh Kinh dạy cách chắc chắn, trung thành, và không sai lầm chân lý mà Thiên Chúa có ý mặc khải vì phần rỗi chúng ta.”* (DV 11, xem chú thích # 5 của DV)

What is truth – Chân Lý là gì?

- | | |
|--------------------|-----------------------|
| ▣ Religious truth | ▣ Chân lý về tôn giáo |
| ▣ Moral Truth | ▣ Chân lý về luân lý |
| ▣ Proverbial Truth | ▣ Sự thật cách ngôn |
| ▣ Historical Truth | ▣ Sự thật lịch sử |
| ▣ Scientific Truth | ▣ Sự thật khoa học |

Catholic Principles of Scripture Interpretation Các Nguyên Tắc Giải Thích Thánh Kinh của Công Giáo

Since God speaks in Sacred Scripture through men in human fashion, the interpreter of Sacred Scripture, in order to see clearly what God wanted to communicate to us, should carefully investigate ***what meaning the sacred writers really intended, and what God wanted to manifest by means of their words***” (DV 12)

‘Vì trong Thánh Kinh, Thiên Chúa đã nhờ loài người và dùng cách nói của loài người mà phán dạy, nên để thấy rõ điều chính Ngài muốn truyền đạt cho chúng ta, nhà chú giải Thánh Kinh phải cẩn thận tìm hiểu ***điều các thánh ký thực sự có ý trình bày và điều Thiên Chúa muốn diễn tả qua lời lẽ của họ***” (DV 12)

Catholic Principles of Scripture Interpretation Các Nguyên Tắc Giải Thích Thánh Kinh của Công Giáo

Contextual Approach

- Carefully investigate what meaning the sacred writers really intended, and what God wanted to manifest by means of their words.
- Study of the culture, the modes of narrating, and the different forms of writing (history, poetry, prophecy, etc.).

Tiếp cận Bối Cảnh

- Phải cẩn thận tìm hiểu điều các thánh sử thật sự có ý trình bày và điều Thiên Chúa muốn diễn tả qua lời lẽ của các ngài.
- Nghiên cứu về văn hoá, các cách diễn tả, và các thể văn khác nhau (lịch sử, thi phú, ngôn sứ, vv.).

Catholic Principles of Scripture Interpretation (DV 12) Các Nguyên Tắc Giải Thích Thánh Kinh của Công Giáo

Three fundamental criteria:

1. Be especially attentive "to the *content and unity* of the whole Scripture ; nowadays this is called canonical exegesis;
2. Read the Scripture within "*the living Tradition* of the whole Church";
3. Be attentive to the *analogy of faith*. The "analogy of faith" is the coherence of the truths of faith among themselves and within the whole plan of Revelation

Ba tiêu chuẩn nền tảng:

1. Phải chú ý đến "nội dung và tính thống nhất của toàn bộ Thánh Kinh"; ngày nay tiêu chuẩn này được gọi là chú giải theo qui điển (canonical exegesis);
2. Phải đọc Thánh Kinh trong "Truyền thống sống động của toàn thể Hội Thánh";
3. Phải lưu ý đến *loại suy đức tin*. "Loại suy đức tin," là tính chất tương hợp trong toàn bộ nội dung các chân lý đức tin và trong toàn bộ chương trình Mạc Khải.

Senses of Scripture - Các Nghĩa của Thánh Kinh

- | | |
|---|---|
| <ol style="list-style-type: none"> 1. The <i>literal sense</i> is the meaning intended by the author. 2. The <i>spiritual sense</i> depends on the text, but see them as a signs of a deeper meaning. <ul style="list-style-type: none"> ▪ <i>allegorical sense</i> where one event foreshadows another. ▪ <i>moral sense</i> lead us to act justly. ▪ <i>anagogical sense</i> helps us to view realities and events in terms of their eternal significance | <ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Nghĩa văn tự</i> là nghĩa mà tác giả có ý nói đến. 2. Nghĩa <i>thiên linh</i> tùy thuộc vào bản văn nhưng coi chúng như một dấu chỉ với ý nghĩa sâu xa hơn <ul style="list-style-type: none"> ▪ <i>nghĩa ẩn dụ</i> trong đó một biến cố ám chỉ một biến cố khác, ▪ <i>nghĩa luân lý</i> để dẫn chúng ta đến một cách ăn ở công chính. ▪ <i>nghĩa dẫn đường (thần bí)</i>, hướng chúng ta về cùng đích trên Trời. |
|---|---|

Senses of Scripture - Các Nghĩa của Thánh Kinh

- | | |
|---|---|
| <ol style="list-style-type: none"> 3. The fuller sense (sensus plenior) of Scripture. <ul style="list-style-type: none"> ▪ “The fuller sense is defined as a deeper meaning of the text, intended by God but not clearly expressed by the human author.” (IBIC, #141) ▪ <i>The fuller sense allows the literal meaning to stand but maintains that the text acquired a new meaning after Christ. The fuller sense of a text, though intended by God, was not seen until the fullness of Revelation had been realized in Christ.</i> | <ol style="list-style-type: none"> 3. Nghĩa trọn vẹn (sensus plenior) của Thánh Kinh. <ul style="list-style-type: none"> ▪ “Nghĩa trọn vẹn được định nghĩa như nghĩa thâm sâu của bản văn, mà Thiên Chúa có ý nói, nhưng không được tác giả nhân loại diễn tả cách đầy đủ”. ▪ <i>Nghĩa trọn vẹn giữ nguyên nghĩa văn tự, nhưng khẳng định rằng đoạn văn có được một ý nghĩa mới sau Đức Kitô. Nghĩa trọn vẹn của một bản văn, dù do ý định của Thiên Chúa, không được thấy cho đến khi sự viên mãn của mặc khải được thể hiện trong Đức Kitô.</i> |
|---|---|

Senses of Scripture - Các Nghĩa của Thánh Kinh

- | | |
|---|---|
| <p>4. Sensus Fidei (CCC 92).</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ The whole body of the faithful. . . cannot err in matters of belief. This characteristic is shown in the <i>supernatural appreciation of faith (sensus fidei) on the part of the whole people</i>, when, from the bishops to the last of the faithful, they manifest a universal consent in matters of faith and morals (LG 12). | <p>3. Sensus Fidei (GLHTCG 92).</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Toàn thể các tín hữu... không thể sai lầm trong đức tin. Họ biểu lộ phẩm tính đặc biệt ấy nhờ <i>cảm thức siêu nhiên về đức tin của toàn thể dân Chúa</i>, khi ‘từ các Giám mục cho đến những giáo dân rốt hết’ đều đồng ý cách phổ quát về những điều liên quan đến đức tin và luân lý sau Đức Kitô. |
|---|---|

1...2...3...4...5 về Lời Chúa

- | | |
|--|---|
| <ol style="list-style-type: none"> 1. One Word 2. Two modes of transmission 3. Three principles 4. Four Senses 5. Five Topics <p>One Word, Two Modes three rules, four senses and five topics to know God's Word.</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Một Lời Duy Nhất 2. Hai Cách Lưu Truyền 3. Ba Nguyên Tắc 4. Bốn Nghĩa 5. Năm chủ đề <p>Một Lời, hai cách ba “T”
Sau là bốn nghĩa, năm đề nhớ luôn.</p> |
|--|---|

1...2...3...4...5 về Lời Chúa

5. Five Topics

- The Deposit of Faith is entrusted to the whole Church
- The task of interpretation has been entrusted to the bishops in communion with the Pope. This is called The Magisterium of the Church.
- When the Magisterium solemnly declares essential truths called dogma, all faithful must believe.
- The whole body of the faithful... cannot err in matters of belief when they together with their Bishops khi họ cùng với các Giám Mục “all agree on truths related to faith and morality”
- By the assistance of the Holy Spirit, the understanding of both the realities and the words of the heritage of faith is able to grow in the life of the Church.

5. Five Topics

- Gia tài đức tin được trao phó cho toàn thể Hội Thánh.
- Nhiệm vụ giải thích cách chân chính Lời Chúa được ủy thác cho các Đức Giám Mục hiệp thông với Đức Thánh Cha, gọi là Huấn Quyền Hội Thánh.
- Khi Huấn Quyền long trọng công bố những chân lý thiết yếu được gọi là tín điều, thì mọi tín hữu phải tin.
- Toàn thể tín hữu không thể sai lầm trong đức tin khi họ cùng với các Giám Mục “đều đồng ý về những chân lý liên quan đến đức tin và luân lý”
- Nhờ sự giúp đỡ của Chúa Thánh Thần, sự hiểu biết về các thực tại và các lời thuộc về gia tài đức tin có thể gia tăng trong đời sống Hội Thánh.

The Magisterium of the Church – Huấn Quyền Hội Thánh

- The apostles entrusted the "Sacred deposit" of the faith, contained in Sacred Scripture and Tradition, to the whole of the Church.
- The task of interpretation has been entrusted to the bishops in communion with the Pope - *The Magisterium of the Church*. It is servant of The Word of God. It teaches only what has been handed on to it. The Church's Magisterium exercises the authority it holds from Christ to the fullest extent when it defines dogmas.
- Các Tông Đồ trao phó “Kho tàng thánh” của đức tin, chứa đựng trong Thánh Kinh và Thánh Truyền, cho toàn thể Hội Thánh.
- Nhiệm vụ giải thích đã được trao phó cho các giám mục hiệp thông với Đức Giáo Hoàng – *Huấn Quyền của Hội Thánh*. Huấn Quyền này là đầy tớ của Lời Chúa. Nó chỉ dạy những gì được truyền lại cho mình. Huấn Quyền Hội Thánh thực thi quyền bính nhận được từ Đức Kitô cách trọn vẹn nhất khi định nghĩa các tín điều.

The Magisterium – Huấn Quyền

“Bishops, teaching in communion with the Roman Pontiff, are to be respected by all as witnesses to divine and Catholic truth.

In matters of *faith and morals*, the bishops speak in the name of Christ and the faithful are to accept their teaching and adhere to it with a religious assent.” (LG, no 25).

“Các Giám Mục, dạy dỗ trong sự hiệp thông với ĐGH, phải được mọi người kính trọng như những nhân chứng cho chân lý của Thiên Chúa và đạo Công Giáo.

Trong những vấn đề *đức tin và luân lý*, các Giám Mục nói nhân danh Đức Kitô và các tín hữu phải chấp nhận giáo huấn của các ngài và tuân giữ nó với sự ưng thuận về tôn giáo.” (LG, no 25).

Scriptures, Tradition
and Magisterium

Thánh Kinh, Thánh
Truyền và Huấn
Quyền

